

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hải Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/06/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, từ đó tình cảm vợ chồng bất hòa và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã cố gắng tìm mọi cách hòa hợp, tiếp tục chung sống, xây dựng

gia đình, nuôi con chung nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị H không thể sống chung với anh L được nữa nên đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với anh L từ năm 2021 cho đến nay. Chị H không còn tình cảm gì với anh L nữa, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hồng L.

- Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Lê Hà V, sinh ngày 07/7/2019, từ ngày chị H và anh L sống ly thân cho đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con. Nguyên vọng sau khi ly hôn, chị H là người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho chung.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ và cho vay nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hồng L trình bày: Anh Nguyễn Hồng L1 và chị Lê Thị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/06/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2021 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã đưa con ra Hà Nội để làm việc và sinh sống, anh L1 không đi cùng chị H để ra Hà Nội nên từ đó vợ chồng không gặp nhau. Từ sau Tết năm 2023 cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, chị H và con sống ở Hà Nội còn anh L1 sống tại địa phương. Anh L1 và chị H có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh L1 không đồng ý ly hôn với lý do anh L1 đang còn yêu thương vợ và con, mong chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi con trưởng thành.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hồng L và chị Lê Thị H kết hôn, sinh được một người con chung, cháu tên Nguyễn Lê Hà V, sinh ngày 07/7/2019. Từ ngày anh L và chị H sống ly thân cho đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con chung. Anh L không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; 55; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/06/2019 nên hôn nhân hợp pháp. Chị H cương quyết ly hôn còn anh L đang còn tình cảm với chị H, mong muốn chị H quay về đoàn tụ gia đình. Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy, chị H và anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, Tòa án đã kiên trì hòa giải để chị H và anh L hóa giải mâu thuẫn, để quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị H và anh L sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng L.

Về con chung: Chị H và anh L có một con chung, cháu Nguyễn Lê Hà V, sinh ngày 07/7/2019, từ ngày chị H và anh L sống ly thân cho đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con, cháu V còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao con chung cháu Nguyễn Lê Hà V cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục. Anh L có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hồng L vì chị H chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 12/06/2019, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống, từ đó tình cảm vợ chồng bất hòa và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã cố gắng tìm mọi cách hòa hợp, tiếp tục chung sống, xây dựng gia đình, nuôi con chung nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị H và anh L đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị H kiên quyết ly hôn; anh L thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh L vẫn còn tình cảm với chị H, mong chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi con trưởng thành. Tòa án đã kiên trì hòa giải để chị H và anh L hóa giải mâu thuẫn, để quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc kết hôn là để vợ chồng cùng chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, yêu thương, chia sẻ với nhau khó khăn trong cuộc sống. Đó cũng là nghĩa vụ, bổn phận của người làm vợ, làm chồng. Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội phụ nữ xã D cho thấy: Anh L và chị H không thường xuyên sinh sống tại địa phương, thời gian gần đây anh L về chung sống với bố mẹ anh L, còn chị H không thấy sinh sống với anh L tại địa phương; qua lời khai của người làm chứng chị Lê Thị V1 (chị V1 là chị gái của chị H) trình bày: Chị H và anh L không mấy khi chung sống với nhau, chị H sinh sống, làm việc và một mình nuôi con tại Hà Nội, anh L không chung sống với chị H đã lâu. Từ ngày chị H và anh L sống ly thân cho đến nay, chị H và anh L không nhờ gia đình bên chị H để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có thể khẳng định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng L.

- Về yêu cầu nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung, cháu tên Nguyễn Lê Hà V, sinh ngày 07/7/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày chị H và anh L sống ly thân cho đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con, chị H cho cháu Nguyễn Lê Hà V học tại Trường mầm non O tại Hà Nội, chị H có thu nhập ổn định, có mức lương chính mỗi tháng 30 triệu đồng. Cháu V là con gái đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ nhỏ. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hồng L vì chị H không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hồng L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Hà V, sinh ngày 07/7/2019 cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Hồng L vì chị H không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hồng L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số: 0010940 ngày 07/11/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Hồng L2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi Cục Thi hành án DS H. Diễn Châu;
- UBND xã Diễn Trung;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Thanh Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA